

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số
quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương
chứng nhận:

1. Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá

Địa chỉ liên lạc: Ngõ 133, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 02438584666;

Fax:

Email: vilas098@yahoo.com.

Đã đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với ngành Công Thương trong lĩnh vực thử nghiệm đối với các sản phẩm thuốc lá, thuốc lá điếu, xì gà và các sản phẩm liên quan (chi tiết trong phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

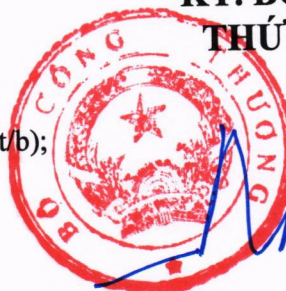
2. Số đăng ký: 08.23.TN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trang MOIT (đăng thông báo);
- Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (để t/b);
- Lưu: VT, KHCN, dieudx.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA
TRONG LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 1922 /GCN-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng/Phạm vi đo
1	Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Xác định dư lượng silic dioxit không tan trong axit clohidric	TCVN 5076:2001 (ISO 2817:1999)	0,01 %
2	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định chu vi điếu	TCVN 6668:2000	(15,5~28,5) mm
3	Thuốc lá điếu; Thuốc lá điếu đầu lọc	Thuốc lá điếu đầu lọc – Xác định chiều dài phần thuốc	TCVN 6669:2000	Đến: 150 mm
4	Thuốc lá điếu; Thuốc lá điếu đầu lọc	Thuốc lá điếu đầu lọc – Xác định chiều dài phần đầu lọc	TCVN 6670:2000	Đến: 150 mm
5	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định hàm lượng bụi trong sợi	TCVN 6671:2000	Đến: 100 %
6	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định tỷ lệ bong hồ	TCVN 6672:2000	Đến: 100 %
7	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định độ rỗ đầu – Phần 1: Phương pháp dùng lồng quay hình trụ	TCVN 6674–1:2002 (ISO 3550–1:1997)	0,1 mg/điếu
8	Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá; Thuốc lá điếu	Thuốc lá – Xác định độ ẩm – Phương pháp dùng tủ sấy	TCVN 6675:2022	(0,5~50) %
9	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định cacbon mono oxit trong pha hơi của khói thuốc lá – Phương pháp dùng máy phân tích hồng ngoại không phân tán (NDIR)	TCVN 6678:2000 (ISO 8454:1995)	(0,025~10) %
10	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu - Xác định nicotin trong tổng	TCVN 6679:2022 (ISO 10315:2021)	(0,1~39,6) mg/điếu

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng/Phạm vi đo
		hàm lượng chất hạt từ luồng khói chính - Phương pháp sắc ký khí		
11	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định tổng hàm lượng chất hạt và chất hạt khô không chứa nicotin bằng máy hút thuốc phân tích thông thường	TCVN 6680:2008 (ISO 4387:2000)	(1~150) mg TPM
12	Thuốc lá điếu	Thuốc lá điếu – Xác định hàm lượng nước trong phần ngưng tụ khói thuốc – Phần 2: Phương pháp Karl Fischer	TCVN 6936–2:2001 (ISO10362–2:1994)	10 ppm ~ 100 %
13	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Trở lực của điếu thuốc và độ giảm áp của cây đầu lọc – Các điều kiện chuẩn và phép đo	TCVN 6937:2008 (ISO 6565:2002)	Đến: 500 mm H ₂ O
14	Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Xác định hàm lượng clorua hòa tan	TCVN 7251:2003	(10~999) mg/L
15	Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Xác định hàm lượng nitơ tổng số	TCVN 7252:2003	0,05 %
16	Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá	Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá – Xác định hàm lượng nitơ protein	TCVN 7253:2003	0,05 %
17	Thuốc lá sợi	Thuốc lá sợi – Xác định tỷ lệ sợi bằng phương pháp sàng	TCVN 7259:2003	0,05 %
18	Thuốc lá	Thuốc lá – Xác định tổng hàm lượng alkaloids như Nicotin - Phương pháp phân tích dòng liên tục sử dụng KSCN/DCIC.	CORESTA 85:2017	0,05 %
19	Thuốc lá	Thuốc lá – Xác định hàm lượng đường tổng số - phương pháp phân tích dòng liên tục sử dụng axit hydrochloric	CORESTA 89:2019	0,05 %

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng/Phạm vi đo
		/p-hydroxy benzoic acid hydrazide (PAHBAH)		
20	Thuốc lá	Xác định hàm lượng đường khử trong thuốc lá bằng phương pháp phân tích dòng liên tục	CORESTA 38:2010	0,05 %
21	Xì gà	Xì gà - Xác định tổng hàm lượng chất hạt và chất hạt khô không chứa nicotin bằng máy hút xì gà phân tích thông thường - Xác định tổng hàm lượng chất hạt và chuẩn bị cho phép đo nước và nicotin.	CORESTA 65:2019	(1 ~ 260) mg TPM
22	Xì gà	Xì gà - Xác định nicotin trong luồng khói chính của xì gà bằng phân tích sắc ký khí.	CORESTA 66:2020	(0,1 ~ 39,6) mg/ điều
23	Xì gà	Xì gà - Xác định cacbon mono oxit trong luồng khói chính của xì gà bằng phân tích hồng ngoại không phân tán	CORESTA 68:2020	(0,1 ~ 10) %
24	Thuốc lá sợi	Quy trình kỹ thuật - Xác định độ điền đầy sợi VT1	QTKT: 04-2009	3,16 cc/10g